

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 06 / 7 / 2020.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nhơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Công Minh.

Ông Huỳnh Văn Phó.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Tuyền T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp TP1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyền T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh H không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 11/5/2009, hiện cháu N đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; được thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh H không cung cấp ý kiến cho Tòa án và không tham dự các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 11/5/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh H cấp dưỡng nuôi con ở mức 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Tuyền T xét thấy:

Chị Phạm Thị Tuyền T và anh Lê Văn H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, sau khi kết hôn thời gian đầu chị T và anh H chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, từ lúc ly thân đến nay, chị T và anh H không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, khi chị T yêu cầu ly hôn anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, điều đó chứng tỏ anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 11/5/2009, hiện cháu N đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N. Xét thấy từ lúc chị T và anh H sống ly thân, cháu N sống với chị T, được chị T chăm sóc tốt, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T. Để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu N, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Thành N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu N.

Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000đồng. Xét thấy, theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị T trình bày anh H làm thợ hồ, thu nhập mỗi ngày 300.000đồng, nhưng không đều. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng

1.500.000đ/tháng mà chị T yêu cầu là cao so với thu nhập thực tế của của Hùng, do đó Cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thành N mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyền T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Tuyền T.

**1.** Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyền T được ly hôn với anh Lê Văn H.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Lê Thành N, sinh ngày 11/5/2009 cho chị Phạm Thị Tuyền T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn H được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

**3.** Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thành N, sinh ngày 11/5/2009 mỗi tháng 1.000.000đồng, thực hiện từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Lê Thành N tròn 18 tuổi.

**4.** Về án phí:

- Chị Phạm Thị Tuyền T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002532 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

- Anh Lê Văn H phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**5.** Chị Phạm Thị Tuyền T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc bản án được niêm yết.

**6.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Trần Văn Nhơn**